

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HN-ST
Ngày: 22 - 3 - 2021
“V/v Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phước.
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020. Về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST – HN ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Biện Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Biện Thị T trình bày: Chị với anh Đ do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 15/3/2013, nữ trang cưới có 05 phân vàng 24Kra, vợ chồng đồng ý bán để lo chi phí sinh con hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian sống chung chị thì đi làm công nhân, còn anh Đ

thì làm phụ hồ, hầu như ngày nào anh Đ cũng nhậu nhẹt, say rượu, kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm chị, chị cãi lại thì bị anh Đ đánh đập, nhiều lần như vậy do không chịu đựng được nên chị đã bỏ nhà đi và làm đơn ly hôn vào năm 2019, sau đó do con bị bệnh nên chị quay về để cùng chăm sóc con và anh Đ có hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi gì mà còn phát sinh thêm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 28/11/2012 và Nguyễn Kim T1, sinh 14/12/2013; hiện nay các cháu đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng các cháu; nếu sống với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và về cấp dưỡng nuôi con thì chị chưa đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh Nguyễn Kim Đ là bị đơn trình bày: Anh với chị T do mai mối đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, nữ trang cưới có 05 phân vàng 24Kra hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường ngày anh thì nghề làm phụ hồ nên đôi khi có uống rượu cùng anh em làm chung, khi về nhà vợ chồng có lời qua tiếng lại do không kiềm chế được nên anh có đánh chị T, từ đó vợ anh bỏ nhà đi làm và vợ chồng đã sống ly thân nhau đến nay khoảng 5-6 tháng. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, yêu cầu được đoàn tụ vì anh vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 28/11/2012 và Nguyễn Kim T1, sinh 14/12/2013; hiện nay đang sống chung với anh. Nếu trường hợp chị T cương quyết ly hôn, về con chung anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng các cháu; nếu sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và về cấp dưỡng nuôi con thì anh chưa đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Đ xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn

chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Biện Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Biện Thị T với anh Nguyễn Kim Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Kim Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 28/11/2012 và Nguyễn Kim T1, sinh 14/12/2013.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Kim Đ chưa đặt ra yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về tài sản chung và về nợ chung phải thu phải trả: Do đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Biện Thị T là nguyên đơn và anh Nguyễn Kim Đ là bị đơn; chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con với anh Đ. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh Đ có nơi cư trú tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Chị T và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng

nhận kết hôn số 19 ngày 15/3/2013. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị T với anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T cho rằng do anh Đ thường xuyên uống rượu về xúc phạm và nhiều lần đánh đập chị, chị đã tạo nhiều cơ hội nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi, từ đó chị đã bỏ nhà đi làm và vợ chồng sống ly thân nhau không thể hàn gắn được. Theo anh Đ cho rằng do thường ngày anh đi làm đôi khi có uống rượu cùng anh em làm chung về nhà dẫn đến vợ chồng cự cãi, do lúc nóng tính có khi không kiềm chế nên đã đánh chị T vì vậy mà chị T đã bỏ nhà đi. Nay chị T xác nhận chị không còn tình cảm với anh Đ, hàn gắn không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ; anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T và yêu cầu được đoàn tụ vì anh vẫn còn thương chị T.

Xét thấy anh Đ yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này người nào chỉ biết bỏn phận người đó bỏ mặc sống sao thì sống không ai quan tâm ai. Và tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, hàn gắn không hạnh phúc; mặt khác căn cứ vào kết quả xác minh từ phía địa phương nơi chị T và anh Đ sinh sống đều cho rằng vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi do anh Đ hay uống rượu và chị T đã bỏ nhà đi vợ chồng không còn sống chung; bên cạnh thì tháng 5/2019 chị T đã khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng anh Đ vẫn tánh nào tật nấy không sửa đổi; từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T với anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Đ. Cho chị T và anh Đ được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh Đ đều thừa nhận cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 14/12/2013 là con chung của anh chị; hiện nay các cháu đang sống với anh Đ. Trong quá trình giải quyết thì cháu B và cháu T1 có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn được sống với anh Đ. Chị T và anh Đ thống nhất giải quyết theo nguyện vọng cháu B và cháu T1. Sự tự nguyện của chị T và anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu T1. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài B và cháu Nguyễn Kim T1 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ chưa đặt ra yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Anh Đ không phải chịu án phí.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228; 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Biện Thị T.

Về hôn nhân: Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Kim Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Nguyễn Kim T1, sinh ngày 14/12/2013; hiện các cháu đang sống với anh Đ. Khi ly hôn giao anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Kim Đ chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Do đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Biện Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0003744 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được khấu trừ số tiền án phí mà chị T có nghĩa vụ chịu, do đó chị T không phải nộp.

Anh Nguyễn Kim Đ không phải chịu án phí.

Chị Biện Thị T và anh Nguyễn Kim Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh